

Số: 2062 /TB-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc tuyển sinh trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2026

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1847/QĐ-ĐHTCM-ĐTSDH ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông báo số 1104/TB-ĐHTCM ngày 31 tháng 3 năm 2026 về Kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về chuẩn đầu vào các ngành thuộc trình độ thạc sĩ và tiến sĩ;

Trường Đại học Tài chính – Marketing (sau đây gọi là Trường) thông báo tuyển sinh trình độ tiến sĩ Đợt 2 năm 2026 như sau:

1. Ngành đào tạo, chỉ tiêu và hình thức tuyển sinh

Trường hiện có 03 (ba) ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, dự kiến phân bổ chỉ tiêu như sau:

STT	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu
1	Tài chính – Ngân hàng	9340201	30
2	Quản trị kinh doanh	9340101	30
3	Quản lý kinh tế	9310110	10

Hình thức tuyển sinh: xét tuyển, kiểm tra và đánh giá thí sinh (thí sinh trình bày dự định nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa trước tiêu ban chuyên môn).

Thời gian đào tạo: 03 (ba) năm đối với nghiên cứu sinh (NCS) đã có bằng thạc sĩ; 04 (bốn) năm đối với NCS có bằng đại học.

2. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

2.1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ. Nếu bằng tốt nghiệp đại học hay thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được công nhận văn bằng theo quy định hiện hành tại thời điểm dự tuyển;

Đối với ứng viên đầu vào trình độ thạc sĩ ngoài nhóm ngành phù hợp với ngành dự tuyển cần học Bổ sung kiến thức sau khi trúng tuyển. Danh mục ngành phù hợp, ngành phải học Bổ sung kiến thức và môn học Bổ sung kiến thức được nêu ở Phụ lục 3.

Đối với ứng viên đầu vào trình độ đại học hạng giỏi trở lên, chỉ tuyển ngành phù hợp và bổ sung kiến thức trình độ thạc sĩ sau khi trúng tuyển. Danh mục ngành phù hợp được nêu ở Phụ lục 3.



b) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển;

c) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

2.2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài; nếu bằng tốt nghiệp đại học hay thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận văn bằng theo quy định hiện hành tại thời điểm dự tuyển;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ còn thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển theo quy định tại Phụ lục 2 của Thông báo này.

2.3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngôn ngữ thứ hai theo quy định tại Phụ lục 2 của Thông báo này, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

3. Hồ sơ dự tuyển

a) Đơn xin dự tuyển (theo mẫu do Trường quy định).

b) Lý lịch khoa học (theo mẫu do Trường quy định).

c) Bản sao có chứng thực văn bằng thạc sĩ, hoặc đại học (loại giỏi) và bằng điểm thạc sĩ hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp).

d) Minh chứng về kinh nghiệm nghiên cứu quy định tại Khoản 2.1, Mục 2 của Thông báo này.

đ) Đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa (theo mẫu do Trường quy định, 06 bộ).

e) Minh chứng về trình độ ngoại ngữ theo Khoản 2.2, Mục 2 của Thông báo này.

g) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng về công nhận văn bằng đối với những bằng thạc sĩ, bằng đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp.

h) 01 Bản sao Căn cước công dân/Hộ chiếu bản sao y chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu

- Link tải Mẫu hồ sơ dự tuyển NCS: <https://daotaosdh.ufm.edu.vn/Bieu-mau> (mục Tuyển sinh)

- Link đăng ký tuyển sinh NCS trực tuyến: <https://daotaosdh.ufm.edu.vn/dang-ky-xet-tuyen-NCS>

4. Học bổ sung kiến thức: được thực hiện sau khi thí sinh trúng tuyển và nhập học.

- Đối với ứng viên đầu vào trình độ thạc sĩ thuộc các ngành khác theo danh mục tại phụ lục 2 phải học Bổ sung kiến thức 3 môn bắt buộc.

- Đối với ứng viên đầu vào trình độ đại học: học Bổ sung kiến thức chương trình đào tạo thạc sĩ hiện hành.

- Học phí Bổ sung kiến thức: theo học phí trình độ thạc sĩ tại thời điểm triển khai.

5. Lịch trình xét tuyển dự kiến

- Hạn chót nộp hồ sơ xét tuyển: 4/9/2026

- Trình bày bài luận nghiên cứu: 19 – 20/9/2026

- Công bố kết quả và làm thủ tục nhập học: 30/9/2026 – 9/10/2026

- Bắt đầu khóa học: 11/10/2026

6. Lệ phí tuyển sinh và học phí:

- Lệ phí xét hồ sơ: 300.000 đồng/thí sinh.

- Phí nhận xét bài luận của NCS: 1.800.000 đồng/thí sinh.

- Học phí cho 3 năm học tập trung là 198.000.000 đồng, tương ứng 66.000.000 đồng/năm.

Đối với nghiên cứu sinh có bằng đại học hoặc phải học bổ sung học phần trình độ thạc sĩ, ngoài học phí nêu trên, sẽ trả thêm học phí liên quan đến các học phần ở trình độ thạc sĩ.

7. Địa chỉ liên hệ đăng ký và nộp hồ sơ

Viện Đào tạo sau đại học, Phòng D.006, số 778 Nguyễn Kiệm, phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Website: <http://daotaosdh.ufm.edu.vn/>

Điện thoại: 028 3997 4641

Tư vấn tuyển sinh:

Ngành Tài chính – Ngân hàng: 0967.657.532 - tvluan@ufm.edu.vn (Thầy Tuấn)

Ngành Quản trị kinh doanh: 0909.581.135 - mydiem@ufm.edu.vn (Cô Diệu)

Ngành Quản lý kinh tế: 0988.932.803 – nntnguyen@ufm.edu.vn (Cô Nguyễn)

Các thông tin chi tiết khác, vui lòng tham khảo từ trang chủ Viện Đào tạo sau đại học, hoặc liên hệ trực tiếp để được tư vấn và giải đáp.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị trong Trường;
- Website Trường, Viện ĐTSĐH;
- Lưu: VT, ĐTSĐH (02b).



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Tiến Đạt

PHỤ LỤC 1
KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA CỦA NGHIÊN CỨU SINH
(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHTCM ngày / /2026)

KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA
CỦA NGHIÊN CỨU SINH

Cơ sở đào tạo:
 Họ và tên nghiên cứu sinh:
 Tên đề tài:
 Ngành đào tạo:
 Mã ngành đào tạo:

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
Năm thứ 1	<i>Các học phần về chuyên môn bổ sung (nếu có)</i>	<i>10 - 12 tín chỉ</i>	<i>Chứng nhận kết thúc học phần</i>
	<i>Các học phần về phương pháp nghiên cứu</i>	<i>04 -06 tín chỉ</i>	<i>Chứng nhận kết thúc học phần</i>
	<i>Thực hiện phần 1 của Luận án</i>	<i>đến 24 tín chỉ</i>	<i>Chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu,...</i>
Năm thứ 2	<i>Thực hiện phần 2 của Luận án</i>	<i>đến 30 tín chỉ</i>	<i>Luận án và các bài công bố,...</i>
Năm thứ 3	<i>Thực hiện phần 3 của Luận án</i>	<i>Số tín chỉ còn lại của chương trình 04 năm</i>	<i>Luận án và các bài công bố,...</i>

Lưu ý: Phần in nghiêng là gợi ý về các nội dung trong kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa. Kế hoạch cụ thể của nghiên cứu sinh được xây dựng căn cứ vào quy định của cơ sở đào tạo về chương trình đào tạo tiến sĩ đã công bố.

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC ĐIỀU KIỆN NGOẠI NGỮ XÉT TUYỂN SINH NGHIÊN CỨU SINH
(Kèm theo Thông báo số 2062 /TB-DHTCM ngày 05/6 /2026)

STT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
		Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	59 - 75
		Pearson English International Certificate (PEIC)	Bậc 4
		Aptis ESOL	Bậc 4
		Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ từ bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của 38 Trường sau (Danh sách này được cập nhật thường xuyên theo quy định của Bộ GDĐT):	(1) Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Quốc gia Hà Nội; (2) Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng; (3) Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế; (4) Trường ĐH Sư phạm Tp.HCM, (5) Trường ĐH Sư phạm Hà Nội; (6) Trường ĐH Thái Nguyên; (7) Trường ĐH Cần Thơ; (8) Trường ĐH Hà Nội; (9) Trường ĐH Vinh; (10) Học viện An ninh nhân dân; (11) Trường ĐH Sài Gòn; (12) Trường ĐH Ngân hàng TP.HCM; (13) Trường ĐH Trà Vinh, (14) Trường ĐH Văn Lang; (15) Trường ĐH Quy Nhơn; (16) Trường ĐH Tây Nguyên; (17) Trường ĐH Công Nghiệp TP.HCM; (18) Trường ĐH Công nghiệp thực phẩm TP.HCM; (19) Học viện Báo chí và Tuyên truyền; (20) Học viện Khoa học quân sự, (21) Trường ĐH Thương mại, (22) Học viện cảnh sát nhân dân, (23) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

STT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
			(ĐH Quốc Gia TP.HCM), (24) Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM, (25) Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, (26) Trường ĐH Nam Cần Thơ, (27) Trường ĐH Ngoại thương, (28) Trường ĐH Kinh tế Quốc Dân, (29) Trường ĐH Kinh tế TP. HCM và (30) Trường ĐH Lạc Hồng, (31) Trường Đại học Đồng Tháp, (32) Trường Đại học Duy Tân, (33) Trường Đại học Phenikaa, (34) Học Viện Ngân hàng, (35) Trường Đại học Tài chính - Marketing, (36) Trường Đại học Thành Đông, (37) Trường Đại học Mở TP. HCM, (38) Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКН-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

PHỤ LỤC 3
DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP VÀ NGÀNH PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH
(Kèm theo Thông báo số 2062 /TB-ĐHTCM ngày 05/16 /2026)

STT	NGÀNH TUYỂN SINH		NGÀNH PHÙ HỢP TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÔNG BỔ SUNG KIẾN THỨC		CÁC NGÀNH PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC 3 MÔN BẮT BUỘC	
	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
1	9340201	Tài chính – Ngân hàng	8340201	Tài chính – Ngân hàng	8340101	Quản trị kinh doanh
			8340204	Bảo hiểm	8340120	Kinh doanh quốc tế
			8340205	Công nghệ tài chính	8340115	Marketing
					8340121	Kinh doanh thương mại
					8340301	Kế toán
					8340402	Chính sách công
					8340403	Quản lý công
					8310110	Quản lý kinh tế
					8310101	Kinh tế học
					8310104	Kinh tế đầu tư
					8310105	Kinh tế phát triển
					8310106	Kinh tế quốc tế
					8310107	Thống kê kinh tế
						<i>Các môn học bổ sung kiến thức: Quản trị tài chính hiện đại (3TC) Ngân hàng số nâng cao (3TC) Tài chính công nâng cao (3TC)</i>
2	9340101	Quản trị kinh doanh	8340101	Quản trị kinh doanh	8340201	Tài chính – Ngân hàng
			8340120	Kinh doanh quốc tế	8340204	Bảo hiểm
			8340115	Marketing	8340301	Kế toán

STT	NGÀNH TUYỂN SINH		NGÀNH PHÙ HỢP TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÔNG BỔ SUNG KIẾN THỨC		CÁC NGÀNH PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC 3 MÔN BẮT BUỘC	
	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
			8340121	Kinh doanh thương mại	8340401	Khoa học quản lý
					8340402	Chính sách công
					8340403	Quản lý công
					8340404	Quản trị nguồn nhân lực
					8340405	Hệ thống thông tin quản lý
					8340406	Quản trị văn phòng
					8340412	Quản lý khoa học và công nghệ
					8340417	Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp
					8310110	Quản lý kinh tế
					8310101	Kinh tế học
					8310102	Kinh tế chính trị
					8310104	Kinh tế đầu tư
					8310105	Kinh tế phát triển
					8310106	Kinh tế quốc tế
					8310107	Thống kê kinh tế
						<i>Các môn học bổ sung kiến thức:</i> Quản trị chiến lược hiện đại Quản trị nguồn nhân lực hiện đại Quản trị công ty
3	9310110	Quản lý kinh tế	8310110	Quản lý kinh tế	8310201	Chính trị học
			8310101	Kinh tế học	8310202	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước
			8310102	Kinh tế chính trị	8310204	Hồ chí Minh học

STT	NGÀNH TUYỂN SINH		NGÀNH PHÙ HỢP TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÔNG BỔ SUNG KIẾN THỨC		CÁC NGÀNH PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC 3 MÔN BẮT BUỘC	
	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
			8310104	Kinh tế đầu tư	8310206	Quan hệ quốc tế
			8310105	Kinh tế phát triển	8310301	Xã hội học
			8310106	Kinh tế quốc tế	8310302	Nhân học
			8310107	Thống kê kinh tế	8310310	Dân tộc học
			8310108	Toán kinh tế	8310313	Phát triển bền vững
					8310315	Phát triển con người
					8310317	Quyền con người
					8310401	Tâm lý học
					8310402	Tâm lý học lâm sàng
					8310501	Địa lý học
					8310601	Quốc tế học
					8310602	Châu Á học
					8310608	Đông Phương học
					8310612	Trung Quốc học
					8310613	Nhật Bản học
					8310620	Đông Nam Á học
					8310630	Việt Nam học
					8310205	Hàn Quốc học
					8310614	Quản lý nhà nước
					8340101	Quản trị kinh doanh
					8340120	Kinh doanh quốc tế
					8340115	Marketing
					8340121	Kinh doanh thương mại

STT	NGÀNH TUYỂN SINH		NGÀNH PHÙ HỢP TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÔNG BỔ SUNG KIẾN THỨC		CÁC NGÀNH PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC 3 MÔN BẮT BUỘC	
	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
					8340201	Tài chính – Ngân hàng
					8340204	Bảo hiểm
					8340301	Kế toán
					8340401	Khoa học quản lý
					8340402	Chính sách công
					8340403	Quản lý công
					8340404	Quản trị nguồn nhân lực
					8340405	Hệ thống thông tin quản lý
					8340406	Quản trị văn phòng
					8340412	Quản lý khoa học và công nghệ
					8340417	Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp
					8380107	Luật kinh tế
					8510601	Quản lý công nghiệp
					8510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
					8580106	Quản lý đô thị và công trình
					8580301	Kinh tế xây dựng
					8580302	Quản lý xây dựng
					8620115	Kinh tế nông nghiệp
					8810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	NGÀNH TUYỂN SINH		NGÀNH PHÙ HỢP TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÔNG BỔ SUNG KIẾN THỨC		CÁC NGÀNH PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC 3 MÔN BẮT BUỘC	
	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
					8850103	Quản lý đất đai
				<i>Các môn học bổ sung kiến thức:</i> Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế Khoa học quản lý Mô hình kinh tế mới		

Ghi chú: Các trường hợp sẽ được xem xét cụ thể:

- Trường hợp bằng thạc sĩ chưa xác định được mã ngành mới;
- Văn bằng thạc sĩ do các cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải cung cấp bản sao văn bằng và kết quả học tập kèm theo bản dịch, Giấy công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (ngoại trừ các văn bằng được miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15/4/2021).

